TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đậu Đức Đông.
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị An - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 29/4/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Thái Doãn S, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 4 năm 1983, tại huyện T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm A T, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Doãn N, sinh năm 1954 và bà Tăng Thị T, sinh năm 1955; vợ Lô Thị V, sinh năm 1982 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/9/2004 bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 22/HSST, chấp hành xong ngày 06/01/2005; Ngày 29/5/2007 bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 09/2007/HSST, chấp hành xong ngày 15/3/2008; Ngày 17/9/2014 bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng), về hành vi "Trộm cắp tài sản", thi hành xong ngày 20/9/2014; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2019 đến nay (có mặt).

Người bị hại: Anh Phan Văn T, sinh năm 1978.
Trú tại: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người làm chứng:
Ông Trần Văn S, sinh năm 1962.
Bà Trịnh Thị Song H, sinh năm 1965.
Đều trú tại: Khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (đều có mặt).
Anh Hồ Xuân N, sinh năm 1970.

Trú tại: Xóm S, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 20 phút ngày 13/8/2019, Thái Doãn S ngồi ăn uống với Phan văn T tại quán ăn S thuộc xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (đối diện Bệnh viện đa khoa khu vực T). Trong quá trình ăn uống tại quán, do trước đó Phan Văn T nợ Thái Doãn S số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) nên S đòi T trả nợ cho mình. Sau đó hai bên xảy ra lời qua tiếng lại dẫn đến xô xát. Lúc này Thái Doãn S chạy ra chiếc xe mô tô của S dựng trước quán ăn S lấy một con dao dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại để sẵn nơi xe của S vào chém Phan Văn T. Hậu quả Thái Doãn S chém vào bàn tay trái của Phan Văn T làm T bị thương nặng, được đưa vào xử lý sơ cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực T nhưng do vết thương quá nặng nên Phan Văn T được chuyển đến cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện chấn thương chỉnh hình tỉnh Nghệ An từ ngày 13/8/2019 đến ngày 26/8/2019 thì ra viện. Sau khi gây thương tích cho T, Thái Doãn S lấy xe mô tô cầm theo con dao là hung khí S sử dụng để chém Phan Văn T đi đến khu vực cầu H thuộc khối L, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An vứt con dao xuống sống H. Ngày 03/12/2019, Thái Doãn S đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thái Hòa đầu thú.

Ngày 17/9/2019, anh Phan Văn T có đơn đề nghị giám định thương tật và khởi tố vụ án.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 266/TTPY ngày 14/10/2019 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Nghệ An, kết luận về thương tích của anh Phan Văn T:

Vết thương đứt gần lìa cổ tay trái đã được phẫu thuật khâu phục hồi gân duỗi các ngón I, II, III, IV, V bàn tay trái, gân duỗi cổ tay trụ trái, gân duỗi cổ tay quay dài-ngắn tay trái; khâu nối ghép phục hồi động mạch quay cổ tay trái; động mạch trụ cổ tay trái; thần kinh giữa cổ tay trái; thần kinh trụ cổ tay trái; nắn chỉnh mặt khớp, kết hợp xương gãy cổ tay trái. Hiện tại ảnh hưởng nhiều đến chức năng các động tác khớp cổ tay, bàn tay, ngón tay trái; teo cơ vùng cổ tay trái; mất cảm giác các ngón tay I, II, III tay trái.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 46% (bốn mươi sáu phần trăm).

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 17 tháng 3 năm 2020, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Thái Doãn S về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Thái Doãn S từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 584; 585 và Điều 590 - BLDS: Ghi nhận sự thỏa thuận việc bồi thường do sức khỏe bị xâm phạm giữa bị cáo và người bị hại tổng số tiền 125.246.249đ (một trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng) trừ số tiền bị cáo đã bồi thường

trước là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) còn lại 101.246.249đ (một trăm linh một triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng) buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Bị cáo Sơn không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại tranh luận: Về tội danh và mức hình phạt nhất trí như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo thấy phù hợp với biên bản sự việc lập hồi 20 giờ 35 phút ngày 13/8/2019, tại xóm A, xã N, thị xã T, phù hợp với lời khai của của người bị hại, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được công bố, thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được khoảng 20 giờ 20 phút ngày 13/8/2019, tại quán ăn S thuộc xóm A, xã N, thị xã T do mâu thuẫn trong việc vay mượn tiền nên Thái Doãn S đã dùng một con dao dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại chém gây thương tích cho anh Phan Văn T với tỷ lệ thương tích là 46% (bốn mươi sáu phần trăm). Theo hướng dẫn tại tiểu mục 2.2, mục 2, phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003, của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì con dao mà S dùng để chém anh T là hung khí nguy hiểm, đây là tình tiết định khung tại điểm c khoản 3 Điều 134 - BLHS nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 – BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc loại rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến sức khoẻ của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trong xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được việc gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng với thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xét xử nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" và đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi "trộm cắp tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tự tu dưỡng, rèn luyện bản

thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật nên cần xét xử nghiêm, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường trước một phần thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho người bị hại. Mặt khác bị cáo được sinh ra trong gia đình có công với cách mạng, bố mẹ bị cáo là thương binh, bố bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng, Huân chương chiến sỹ vẻ vang và sau khi phạm tội thì đến ngày ngày 03/12/2019 bị cáo đã ra đầu thú. Do đó cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà anh Phan Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do sức khoẻ bị xâm phạm gồm tiền viện phí, tiền thuốc, tiền chụp X Quang (theo hoá đơn) với số tiền 30.346.249đ; chi phí bồi dưỡng sau phẫu thuật 4.000.000đ; tiền thuê xe đi cấp cứu và thuê xe đi tái khám 4.500.000đ; tiền thu nhập thực tế bị mất trong thời gian không lao động được là 09 tháng x 6.000.000đ/tháng = 54.000.000đ; tiền công của người chăm sóc là 13 ngày x 200.000đ/ngày = 2.600.000đ; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khoẻ bị xâm phạm là 20 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ/tháng = 29.800.000đ. Tổng 125.246.249đ (một trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng) trừ số tiền bị cáo đã bồi thường trước là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) còn lại 101.246.249đ (một trăm linh một triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng).

Tại phiên toà, bị cáo chấp nhận bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho người bị hại anh Phan Văn T tất cả các khoản mà người bị hại yêu cầu. Xét bị cáo và người bị hại thỏa thuận với nhau về việc bồi thường là hoàn toàn tự nguyện và hợp lý nên cần ghi nhận sự thoả thuận bồi thường trên. Do đó căn cứ Điều 48 - BLHS; các Điều 584; 585; 586 và Điều 590 - BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại anh Phan Văn T tổng số tiền là 125.246.249đ (một trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng) trừ số tiền mà bị cáo đã bồi thường trước là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) còn lại 101.246.249đ (một trăm linh một triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng) buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại anh Phan Văn T.

[6] Về vật chứng vụ án: Sau khi bị cáo dùng con dao dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại chém gây thương tích cho anh Phan Văn T, bị cáo đã mang đến khu vực cầu H, thuộc khối L, phường L, thị xã T vứt con dao xuống dòng sông H, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa đã truy tìm nhưng không thấy.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Thái Doãn S phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Thái Doãn S 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 03/12/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 - BLHS; các Điều 584; 585; 586 và Điều 590 - BLDS: Buộc bị cáo Thái Doãn S phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sức khoẻ bị xâm phạm cho người bị hại anh Phan Văn T tổng số tiền 125.246.249đ (một trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng) trừ số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) bị cáo đã bồi thường trước. Bị cáo còn phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho anh Phan Văn T số tiền còn lại 101.246.249đ (một trăm linh một triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 - BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Thái Doãn S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 5.062.312đ (năm triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm mười hai đồng) án phí DSST.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Diên